

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025,  
KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026**

*Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-BSPPT ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-BSPPT ngày 31/12/2025 Về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn, Ban điều hành Công ty đã bám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị, theo sát diễn biến thị trường, thực hiện hiệu quả các giải pháp quản trị, chuyển đổi số, mở rộng hoạt động thương mại, dịch vụ, tối ưu tổ chức sản xuất cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ người lao động, Công ty đạt kết quả tốt về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Giám đốc kính báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:*

**PHẦN I  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025**

**1. Thuận lợi, khó khăn**

Trong năm 2025, Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn đánh giá, nhận định với những thuận lợi và khó khăn như sau:

**1.1. Thuận lợi**

- Điều kiện vĩ mô quốc tế: Năm 2025, các tổ chức quốc tế cho rằng các chính sách kinh tế vĩ mô hỗ trợ tăng trưởng, điều kiện tài chính được cải thiện nhờ lạc quan về tác động tiềm năng của các công nghệ mới, đầu tư và thương mại ngày càng tăng là những động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu năm 2025. Theo đó, OECD, IMF, EU và FR dự báo tăng trưởng của thế giới năm 2025 lần lượt đạt 3,2%, 3,2%, 3,1% và 2,5% đều cao hơn dự báo trước đó. (Nguồn: Tổng Cục Thống kê).

- Năm 2025 là năm cuối của chu kỳ phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025, là cột mốc quan trọng, là năm bản lề đặt nền tảng cho chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo. Trong bối cảnh chịu tác động chung của tình hình địa-chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và diễn biến thiên tai, khí hậu bất thường, hoạt động kinh tế đất nước tiếp tục đối diện nhiều khó khăn, áp lực, thử thách. Song, theo định hướng và tinh thần chỉ đạo, quyết tâm của Đảng, Chính phủ, với nỗ lực không ngừng của nhân dân và doanh nghiệp cả nước, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng phát triển. GDP năm 2025 tăng trưởng tích cực với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước (Nguồn: Cục trưởng Cục Thống kê (Bộ Tài chính) Nguyễn Thị Hương).



- Nhà nước luôn sát cánh cùng doanh nghiệp, tiếp tục có nhiều quyết sách hỗ trợ doanh nghiệp như: giảm tiền thuê đất, giãn, giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với BSPPT, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và kịp thời của BSR, đồng thời nhận được sự hỗ trợ tích cực, hiệu quả từ các Sở/Ban/ Ngành và cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Ngãi.

- Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ công tác quản trị và điều hành hiệu quả, linh hoạt trong thời gian qua, đã tạo niềm tin và động lực mạnh mẽ cho toàn thể cán bộ, người lao động BSPPT trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Đội ngũ CBCNV của BSPPT ngày càng được đào tạo bài bản hơn, có kinh nghiệm thực tế trong các hoạt động cốt lõi: Thương mại, cung ứng dịch vụ, quản lý và vận hành Nhà máy sản xuất bao bì ổn định, an toàn, hiệu quả.

### 1.2. Khó khăn

- Nền kinh tế thế giới năm 2025 tuy có hồi phục nhưng ở mức tăng trưởng thấp và dễ tổn thương bởi các tác động bên ngoài. Chính sách thuế quan của Mỹ, những diễn biến phức tạp về địa chính trị, sự thay đổi chính sách kinh tế tại các nền kinh tế lớn, và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng tiếp tục làm suy yếu động lực phục hồi thương mại và đầu tư quốc tế, qua đó, tác động tiêu cực lan tỏa đến nhu cầu năng lượng, các sản phẩm hóa dầu và dịch vụ vận chuyển...

- Rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan tiếp tục gia tăng, các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra với tần suất cao hơn (2025: Bão Kajiki, Ragasa, Bualoi, Matmo... và các trận lũ lụt ở Miền Bắc, Miền Trung) mức độ khó dự báo lớn hơn, làm gia tăng rủi ro gián đoạn logistics, rủi ro vận hành nhà máy, hư hỏng tài sản.

- Đối với BSPPT, thị trường xuất khẩu tinh bột sắn chính của các doanh nghiệp Việt Nam là Trung Quốc vẫn còn nhiều khó khăn, nhu cầu ít, giá bán thấp, dẫn đến nghi vụ sớm, vào vụ trễ, nhu cầu bao nông sản giảm.

- Nhà máy sản xuất bao bì đã vận hành trên 15 năm, tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo an toàn nếu không được duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, dẫn tới chi phí ngày càng tăng.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/ TH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	817,30	1.350,00	1.452,17	108%	178%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	796,90	1.330,00	1.429,24	107%	179%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,40	20,00	22,91	115%	112%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,16	17,10	19,96	117%	110%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,60	12,70	13,11	103%	138%
6	Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	9,4%	8,8%	10,4%	119%	111%

<sup>(\*)</sup> Kế hoạch 2025 là Kế hoạch điều chỉnh năm 2025 đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chấp thuận tại Nghị quyết 5491/NQ-BSR ngày 31/12/2025.

Năm 2025, Công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu tài chính quan trọng. Tổng doanh thu đạt 1.452,17 tỷ đồng, vượt 8% kế hoạch năm và tăng 78% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 22,91 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch năm, tăng 12% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 19,96 tỷ đồng, vượt 17% kế hoạch năm, và tăng 10% so với năm 2024. Nộp ngân sách nhà nước đạt 13,11 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm và tăng 38% so với năm 2024.

### 3. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

#### 3.1. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì

Kết quả sản lượng sản xuất tiêu thụ sản phẩm bao bì thực hiện năm 2025:

TT	Sản phẩm	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>						
1	Bao nông sản	Tr. bao	2,76	1,81	2,02	112%	73%
2	Mảnh PP tráng màng	Tr. mét	10,00	0,00	0,12		
3	Bao đóng gói hạt nhựa	Tr. bao	6,54	6,76	7,20	107%	110%
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>						
1	Bao nông sản	Tr. bao	2,78	1,81	2,03	112%	73%
2	Mảnh PP tráng màng	Tr. mét	10,00	0,00	0,12	-	-
3	Bao đóng gói hạt nhựa	Tr. bao	5,70	7,00	7,20	103%	126%



Kết quả doanh thu lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì thực hiện năm 2025:

TT	Sản phẩm	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
<b>Doanh thu</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>84,50</b>	<b>87,56</b>	<b>91,31</b>	<b>104%</b>	<b>108%</b>
1	Bao nông sản	Tỷ đồng	19,00	12,28	13,76	112%	72%
2	Mành PP trắng màng	Tỷ đồng	6,20	0,00	0,08	-	-
3	Bao đóng gói hạt nhựa	Tỷ đồng	59,30	75,28	77,47	103%	131%

**a) Về sản lượng tiêu thụ**

– Đối với bao nông sản: Sản lượng tiêu thụ đạt 2,03 triệu bao, hoàn thành 112% kế hoạch năm 2025, bằng 73% so với năm 2024.

– Đối với bao đóng gói hạt nhựa: Cung cấp cho NMLD Dung Quất được duy trì sản lượng theo hợp đồng, sản lượng tiêu thụ đạt 7,20 triệu bao, đạt 103% kế hoạch năm 2025 và tăng 26% so với năm 2024.

**b) Về doanh thu**

– Doanh thu lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đạt 91,31 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2025 và bằng 108% so với năm 2024, trong đó:

– Doanh thu bao nông sản đạt 13,76 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm 2025; bằng 72% so với năm 2024;

– Doanh thu bao đóng gói hạt nhựa đạt 77,47 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm 2025; bằng 131% so với năm 2024.

**3.2. Lĩnh vực kinh doanh thương mại**

Kết quả sản lượng tiêu thụ sản phẩm thương mại thực hiện năm 2025:

Stt	Sản phẩm thương mại	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>							
1	Hạt nhựa PP	Tấn	24.941	37.796	40.713	108%	163%
2	Pallet gỗ	Cái	108.000	127.000	129.000	102%	119%
3	LPG	Tấn	-	13.553	15.612	115%	-
4	Lưu huỳnh hạt	Tấn	-	800	914	114%	-



Kết quả doanh thu lĩnh vực thương mại thực hiện năm 2025:

Stt	Sản phẩm thương mại	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/ TH2024
<b>Doanh thu</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>641,40</b>	<b>1.149,76</b>	<b>1.241,29</b>	<b>108%</b>	<b>194%</b>
1	Hạt nhựa PP	Tỷ đồng	604,80	882,67	945,12	107%	156%
2	Pallet gỗ	Tỷ đồng	36,60	39,92	39,92	100%	109%
3	LPG	Tỷ đồng	-	220,90	247,89	112%	-
4	Lưu huỳnh hạt	Tỷ đồng	-	6,27	8,36	133%	-

**a) Về sản lượng tiêu thụ**

- Sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP đạt 40.713 tấn, đạt 108% kế hoạch 2025 và bằng 163% so với năm 2024.
- Sản lượng tiêu thụ pallet gỗ đạt 129.000 cái, đạt 102% kế hoạch 2025 và bằng 119% so với năm 2024.
- Sản lượng tiêu thụ LPG đạt 15.612 tấn, đạt 115% kế hoạch 2025.
- Sản lượng tiêu thụ lưu huỳnh hạt đạt 914 tấn, đạt 114% kế hoạch 2025.

**b) Về doanh thu**

Doanh thu lĩnh vực thương mại năm 2025 đạt 1.241,29 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm 2025, bằng 194% so với năm 2024, trong đó:

- Doanh thu hạt nhựa PP đạt 945,12 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch năm 2025 và bằng 156% so với năm 2024;
- Doanh thu pallet gỗ đạt 39,92 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm 2025 và bằng 109% so với năm 2024.
- Doanh thu LPG đạt 247,89 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm 2025.
- Doanh thu lưu huỳnh hạt đạt 8,36 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025.

**3.3. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ**

Kết quả doanh thu lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thực hiện năm 2025:

Stt	Doanh thu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/ TH2024
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	23,9	25,2	25,6	101%	107%
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	34,6	33,5	34,2	102%	99%
3	Dịch vụ hậu cần khác (Giặt là; Nhà hàng; cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, chăm sóc cây xanh, O&M...)	Tỷ đồng	28,7	19,2	20,0	104%	70%

Stt	Doanh thu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
4	Dịch vụ mới (Dịch vụ kỹ thuật, xây lắp...)	Tỷ đồng	-	27,7	32,1	116%	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>87,2</b>	<b>105,6</b>	<b>111,9</b>	<b>106%</b>	<b>128%</b>

Năm 2025, doanh thu lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đạt 111,9 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch năm 2025 và bằng 128% so với năm 2024, trong đó:

- Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà đạt 25,6 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm 2025 và bằng 107% so với năm 2024;
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển đạt 34,2 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch 2025 và bằng 99% so với năm 2024;
- Doanh thu các dịch vụ hậu cần khác đạt 20,0 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2025.

Trong năm 2025, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các dịch vụ mới (O&M, tổ chức các sự kiện, triển khai dịch vụ forwarding...) thực hiện đạt 32,1 tỷ đồng doanh thu, đạt 116% so với kế hoạch 2025.

#### 4. Công tác đầu tư mua sắm tài sản

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành đầu tư mua sắm tổng cộng 19 xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận chuyển. Việc đầu tư phương tiện theo hướng đồng bộ và hiện đại đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường, đồng thời từng bước khẳng định và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty.

#### 5. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, Ban điều hành Công ty đã ban hành Chỉ thị số 76/CT-BSPPT ngày 22 tháng 6 năm 2025 về việc thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 và triển khai Chỉ thị đến từng bộ phận sản xuất kinh doanh, phòng ban Công ty để nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn bộ người lao động. Công ty triển khai có hiệu quả trong việc sử dụng vốn; tiết giảm hợp lý chi phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn khó khăn, nhờ thực hiện hiệu quả công tác tiết giảm chi phí, cùng với nỗ lực phát triển thị trường, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, ổn định việc làm và cải thiện đáng kể thu nhập cho người lao động.

#### 6. Công tác nhân sự, đào tạo

##### 6.1. Tình hình nhân sự, tiền lương

Tình hình sử dụng lao động của Công ty; quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động và Ban điều hành; quỹ tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 được trình bày như bảng dưới đây:



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 <sup>(*)</sup>	Thực hiện 2025	% TH2025/ KH2025	% TH2025/ TH 2024
1	Năng suất lao động bình quân	Triệu đồng/người/tháng	15,78	16,12	19,71	122%	125%
2	Số lao động bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Người	300	300	292	97%	97%
3	Tiền lương bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Triệu đồng/người/tháng	9,64	9,81	11,99	122%	124%
4	Quỹ tiền lương Người lao động và Ban điều hành	Tỷ đồng	34,716	35,319	42,596	121%	123%
5	Quỹ tiền lương Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Tỷ đồng	1,486	2,233	2,852	128%	192%
6	Quỹ thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách	Triệu đồng	185,0	493,5	690,9	140%	373%

– Năm 2025, năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) đạt 19,71 triệu đồng/người/tháng, vượt 22% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 125% so với năm 2024.

– Số lao động bình quân trong năm là 292 người. Tiền lương bình quân năm 2025 của Người lao động và Ban điều hành đạt 11,99 triệu đồng/người/tháng, đạt 122% so với kế hoạch 2025 và bằng 124% so với năm 2024.

– Số lượng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách bình quân là 3,65 người; quỹ tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách thực hiện đạt 128% kế hoạch năm 2025.

– Số lượng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách bình quân thực hiện là 04 người; quỹ thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách thực hiện đạt 140% kế hoạch năm 2025.

## 6.2. Công tác đào tạo, xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Trong năm 2025, Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng đến công tác đào tạo. Công ty đã cử 765 lượt cán bộ, công nhân viên tham gia các chương trình đào tạo với tổng kinh phí 1,3 tỷ đồng. Nội dung đào tạo tập trung vào các lĩnh vực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, các khóa đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ, Ngành; đồng thời đẩy mạnh đào tạo trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Những khóa đào tạo này góp phần nâng tầm đội ngũ, tạo ra lớp nhân sự vững vàng, tự tin tiếp cận công nghệ mới và thích ứng với yêu cầu của thị trường.

Bên cạnh việc tổ chức đào tạo cho CBCNV, Công ty cũng đã tích cực trong công tác tuyên truyền và lồng ghép các giá trị văn hóa vào quy trình làm việc hằng ngày, sản phẩm và dịch vụ để văn hóa trở nên hữu hình và thực tế.



## **7. Công tác khác**

### **7.1. Công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo**

Trong năm 2025, Công ty đã đẩy mạnh triển khai các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý, vận hành và dịch vụ khách hàng trên toàn bộ đội ngũ CBCNV.

Công ty tổ chức Hội nghị Khoa học – Công nghệ – Đổi mới sáng tạo & Chuyển đổi số lần thứ I năm 2025 với chủ đề “Đổi mới để bứt phá – Số hóa để thành công”, qua đó định hướng chiến lược phát triển, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo, đồng thời đề ra các giải pháp đổi mới, sáng tạo gắn với từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong năm 2025, CBCNV Công ty đã đăng ký 57 ý tưởng/giải pháp. Trong đó, 29 ý tưởng đã được tổ chức đánh giá, kết quả có 22 ý tưởng được đánh giá khả thi và đang triển khai thực hiện, giá trị làm lợi ước tính khoảng 7 tỷ đồng.

### **7.2. Công tác chuyển đổi số**

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai mạnh mẽ công tác chuyển đổi số với nhiều hạng mục như:

- Hệ thống Quản lý Văn bản đã được đưa vào vận hành và nâng cấp, góp phần rút ngắn thời gian phê duyệt, tăng tính minh bạch và giảm đáng kể thời gian xử lý.

- Hệ thống Fast Business Online hỗ trợ theo dõi doanh thu – chi phí – lợi nhuận theo thời gian thực, giúp dữ liệu được phản ánh kịp thời và chính xác.

- Các quy trình nghiệp vụ như quản lý nhân sự, đánh giá KPI, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đang được đẩy mạnh triển khai theo đúng lộ trình chuyển đổi số của Công ty.

Công tác số hóa tài liệu đã hoàn thành theo kế hoạch, hình thành kho dữ liệu điện tử tập trung phục vụ tra cứu và quản lý. Bên cạnh đó, hạ tầng CNTT tiếp tục được đầu tư và nâng cấp, tạo nền tảng cho việc vận hành, mở rộng và tích hợp các hệ thống số trong thời gian tới.

### **7.3. Công tác an ninh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường**

Năm 2025, công tác ATSKMT của BSPPT được triển khai chủ động, đồng bộ và hiệu quả, không xảy ra sự cố mất an ninh, cháy nổ, môi trường hay tai nạn lao động mất ngày công. Trong năm, Công ty đã đạt hơn 800.000 giờ công an toàn.

Hệ thống quản lý ATSKMT được xây dựng, duy trì và cải tiến liên tục theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và ISO 14001:2015, với việc cập nhật, bổ sung nhiều quy trình, hướng dẫn và tiêu chuẩn liên quan. Công tác đào tạo, huấn luyện ATSKMT cho CBCNV được thực hiện đầy đủ theo quy định, bao gồm an toàn hóa chất và tham gia diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

Công tác an ninh – an toàn lao động được đảm bảo thông qua kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện ra/vào Công ty, tăng cường tuần tra trong các dịp cao điểm; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tổ chức giám sát an toàn nhiều tầng và triển khai văn hóa an toàn lao động trong toàn Công ty.

Công tác bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật; các nguồn thải được xử lý đạt quy chuẩn, chất thải được thu gom, xử lý đúng quy định và giám sát định kỳ. Công tác phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp



được duy trì thường xuyên, 100% thiết bị, hệ thống PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

#### **7.4. Công tác đoàn thể, an sinh xã hội**

Trong năm 2025, BSPPT phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống CBCNV, nhất là các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng do thiên tai, lũ lụt; đồng viên, khen thưởng con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập nhằm khích lệ tinh thần và thể hiện sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện chương trình quyên góp, ủng hộ đồng bào Thái Nguyên và các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; đồng thời triển khai các hoạt động an sinh xã hội tại các xã vùng cao, còn nhiều khó khăn.

Công ty luôn ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể phát triển các phong trào:

- Thực hiện *Vườn cây Thanh niên* chào mừng kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Trao quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đạt thành tích cao trong năm học 2024–2025 tại Trường THCS Nguyễn Kim Vang.

- Tham gia Tuần lễ “*Hiến máu nhân đạo*” tại Khoa Huyết học, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (hơn 25 đơn vị máu được hiến tặng).

- Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao góp phần nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần, tạo sân chơi lành mạnh cho NLĐ Công ty.

- Tổ chức dâng hương tại Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vạn Tường; thăm hỏi các gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng và gia đình thương binh, liệt sĩ là người lao động trong Công ty nhân Ngày 27/7.

- Tổ chức chương trình Tết Trung thu cho con em người lao động trong Công ty, qua đó thể hiện sự quan tâm của Chi ủy, Ban Lãnh đạo, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty đối với các cháu trong độ tuổi thiếu nhi.

## **II. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP**

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 của Công ty, công tác tái cơ cấu doanh nghiệp trong năm 2025 đã triển khai thực hiện, cụ thể:

### **1. Cơ cấu ngành nghề, thị trường sản phẩm và dịch vụ**

Công ty xác định hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty duy trì 03 lĩnh vực chính, đó là:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì: Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về chất lượng, giá thành của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đã mạnh dạn đưa vào sản xuất sản phẩm Pallet gỗ, góp phần ổn định nguồn hàng cung cấp cho Công ty BSR, nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả cho Công ty.

- Lĩnh vực thương mại: Nghiên cứu thị trường bán lẻ và mở rộng thành công thêm 02 sản phẩm thương mại mới bên cạnh 2 sản phẩm truyền thống (hạt nhựa PP và Pallet

gỗ): LPG và Lưu huỳnh hạt. Dự kiến trong những năm tới tiếp tục nghiên cứu mở rộng danh mục sản phẩm mới (hóa chất, vật tư, nguyên liệu,...) để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của Công ty.

– Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ: Tập trung xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp nhằm đem lại sự hài lòng cho các khách hàng sử dụng các dịch vụ truyền thống của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng thêm mảng dịch vụ mới: O&M, forwarding, xây lắp... Dự kiến trong những năm tới tiếp tục nghiên cứu mở rộng danh mục dịch vụ mới (dịch vụ kỹ thuật...) để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của Công ty.

## **2. Tái cấu trúc tổ chức, nguồn nhân lực**

Công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định (Cơ cấu tổ chức Công ty, xây dựng định biên lao động theo từng lĩnh vực hoạt động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... ) để từng bước thiết lập cơ cấu tổ chức tinh gọn, bao gồm đầy đủ tính tuân thủ, kỷ luật, văn hóa doanh nghiệp với lực lượng lao động đạt chuẩn, có năng suất lao động đáp ứng yêu cầu của Công ty.



## PHẦN II

### KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như dự kiến những hoạt động phát sinh trong năm 2026, Công ty xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026, cụ thể như sau:

#### I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Năm 2026, Công ty sẽ bám sát các định hướng phát triển theo chỉ đạo của BSR, đồng thời căn cứ tình hình thực tế của thị trường để tổ chức triển khai phù hợp. Song song với đó, Công ty chủ động nhận diện các rủi ro và thách thức nhằm xây dựng các kịch bản ứng phó hiệu quả, đồng thời tìm kiếm và phát huy các động lực tăng trưởng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc tận dụng cơ hội và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo nền tảng và bước nhảy chiến lược của Công ty.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Tập trung nghiên cứu, cải tiến, đầu tư thiết bị máy móc để nâng cao chất lượng, giảm chi phí giá thành sản phẩm bao bì; tối ưu hóa quy trình sản xuất, mở rộng danh sách nhà cung cấp, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

- Lĩnh vực thương mại, phân phối các sản phẩm lọc hóa dầu: Triển khai có hiệu quả các phương án kinh doanh sản phẩm hạt nhựa PP, LPG, lưu huỳnh hạt, tập trung các khách hàng là người dùng cuối cùng và đa dạng các phương thức thanh toán theo nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó tìm kiếm các nguồn hóa phẩm xúc tác, phụ gia, vật tư để tham gia cung cấp cho BSR.

- Chủ động nguồn lực phát triển kinh doanh các sản phẩm mới, mục tiêu hướng đến các sản phẩm tự doanh ngoài BSR.

- Lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ hậu cần: Tiếp tục duy trì các hợp đồng dịch vụ đã ký kết trong năm, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Mở rộng phát triển dịch vụ kỹ thuật từng bước tạo uy tín, cạnh tranh được với các đơn vị cùng lĩnh vực.

- Quản trị dòng tiền hiệu quả, cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mua sắm tài sản, chủ động thu xếp dòng tiền từ thương mại vật tư, hóa phẩm xúc tác, phụ gia.

- Chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hồ sơ chứng từ, hạch toán kế toán.

- Tối ưu hóa công tác mua sắm và chuỗi cung ứng thông qua việc đa dạng hóa nguồn cung, giảm chi phí đầu vào và chuẩn hóa quy trình mua sắm theo hướng số hóa, minh bạch và kiểm soát rủi ro.

- Đảm bảo công tác an toàn, an ninh, môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác quản lý đầu tư, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ và triển khai hiệu quả các dự án đầu tư như Nhà máy sản xuất hạt nhựa PP Compound, công nghệ tuần hoàn nước thải, dự án hóa rắn lưu huỳnh, đầu tư máy thổi PE 3 lớp,... và các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất bảo đảm hoạt động ổn định và liên tục.

- Hoàn thiện chuyển đổi số hệ thống đánh giá KPI nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân sự, tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- Triển khai ESG phù hợp và đồng bộ với chiến lược phát triển của BSR.

## II. TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

### 1. Chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH 2025
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	191,36	194,43	101,6%
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>175,22</i>	<i>175,22</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Tỷ lệ tham gia của BSR</i>	<i>%</i>	<i>83,26%</i>	<i>83,26%</i>	<i>100,0%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.452,17	2.060,45	142%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,91	22,75	99,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,96	18,15	91,0%
5	Tỷ suất LNST/tổng tài sản (ROA)	%	4,45%	3,95%	88,9%
6	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,43%	9,34%	89,5%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	11,39%	10,36%	91,0%
8	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	1,47	1,51	102,6%
9	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	7,29%	6,44%	88,2%
10	Cổ tức/lợi nhuận nộp BSR	Tỷ đồng	10,62	9,39	88,4%
11	Nộp NSNN	Tỷ đồng	13,11	14,40	109,8%

### 2. Chỉ tiêu sản lượng

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>				
1	Bao nông sản	Triệu bao	2,02	1,81	89,6%
2	Bao đóng gói hạt nhựa	Triệu bao	6,82	6,60	96,8%
3	Pallet gỗ	Cái	31.033	48.000	154,7%



Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
1	Bao nông sản	Triệu bao	2,03	1,81	89,4%
2	Bao đóng gói hạt nhựa	Triệu bao	7,20	6,60	91,7%
3	Hạt nhựa PP	Tấn	40.713	58.800	144,4%
4	Pallet gỗ	Cái	129.000	127.200	98,6%
5	LPG	Tấn	15.612	24.600	157,6%
6	Lưu huỳnh hạt	Tấn	914	2.700	295,4%

### 3. Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ

Stt	Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	25,60	25,41	99,4%
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	34,20	38,00	111,0%
3	Dịch vụ hậu cần khác	Tỷ đồng	20,00	40,50	202,4%
4	Dịch vụ mới	Tỷ đồng	32,10	8,28	25,8%
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>111,90</b>	<b>112,19</b>	<b>100,3%</b>

### 4. Chỉ tiêu lao động, tiền lương

Stt	Chỉ tiêu lao động, tiền lương	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Số lao động bình quân	Người	292	305	104,44%
2	Tiền lương bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Tr.đồng/ người/tháng	11,99	11,41	95,13%
3	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ người/tháng	19,71	18,54	94,08%
4	Quỹ tiền lương Người lao động và Ban điều hành	Tr.đồng	42.596	41.739	97,99%
5	Quỹ tiền lương Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Tr.đồng	2.852	3.001	105,22%
6	Thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách	Tr.đồng	691	353	51,11%

### 5. Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,8</b>	
+	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	0	
+	Mua sắm TTB & TSCĐ:	Tỷ đồng	3,8	
	- 01 xe ô tô phục vụ SXKD	Tỷ đồng	2	
	- 01 xe đầu kéo phục vụ giao nhận hàng	Tỷ đồng	1,8	
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,8</b>	
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0	
<b>2</b>	<b>Giá trị giải ngân trong năm</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3,8</b>	
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0	

**Ghi chú:** Chi tiết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty BSPPT theo các Phụ lục I, II, III đính kèm.

## II. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2026

### 1. Công tác quản lý điều hành, quản trị rủi ro

- Công ty tiếp tục tập trung cải tiến và xây dựng hệ thống quản trị nội bộ, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị đồng bộ, thống nhất và hiệu quả hơn. Các quy chế quản trị, quy định nội bộ được rà soát, sửa đổi, cập nhật kịp thời, đảm bảo phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty. Qua đó, chất lượng quản trị điều hành được nâng cao rõ rệt, tạo nền tảng quan trọng cho tiến trình tái cấu trúc và chuyển đổi số của Công ty.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro thông qua việc nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trọng yếu trong quá trình quản lý điều hành; lồng ghép quản trị rủi ro với hệ thống quản trị nội bộ và kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn và bền vững.

- Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, xu hướng giá dầu thô, giá sản phẩm hóa dầu và diễn biến cung – cầu trên thị trường trong nước và quốc tế để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh.

- Thiết lập cơ chế theo dõi biến động giá và biên lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm, từng hợp đồng kinh doanh nhằm kiểm soát hiệu quả hoạt động thương mại.

- Tăng cường phối hợp với BSR trong việc trao đổi thông tin thị trường, dự báo xu hướng giá và điều chỉnh phương án kinh doanh phù hợp.

- Đa dạng hóa nhóm khách hàng và thị trường tiêu thụ nhằm giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số ít khách hàng hoặc khu vực thị trường.



## **2. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bao bì**

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng số 184-2025/HĐĐG/BSR-BSPPT ngày 18/02/2025 giữa BSR và BSPPT về việc cung cấp sản phẩm bao đóng gói hạt nhựa đến tháng 2/2028.
- Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, ổn định, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, quyết liệt trong việc đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách hàng, trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường khu vực đối với các dòng sản phẩm hiện có.
- Tích cực nghiên cứu các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.
- Liên tục khảo sát thị trường đầu vào: Nhằm đảm bảo mua nguyên liệu đầu vào với giá và thời điểm có hiệu quả nhất phục vụ công tác sản xuất, mặt khác tìm kiếm được những đối tác/khách hàng mới để mở rộng thị trường, thị phần và năng lực sản xuất bên cạnh việc tăng cường công tác chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng truyền thống.
- Tiếp tục phát triển thị trường tại Miền Trung-Tây Nguyên và mở rộng mạng lưới khách hàng.
- Rà soát, cập nhật các bộ định mức, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm sản phẩm lỗi.
- Chủ động theo dõi diễn biến giá các loại nguyên liệu chính phục vụ sản xuất bao bì và vật tư phụ trợ, từ đó xây dựng kế hoạch mua hàng phù hợp theo từng thời điểm thị trường.
- Tối ưu hóa công tác quản trị tồn kho, cân đối hợp lý giữa tồn kho nguyên liệu và nhu cầu sản xuất nhằm giảm thiểu rủi ro biến động giá và chi phí lưu kho.

## **3. Kinh doanh thương mại**

- Thực hiện tốt phương án kinh doanh hạt nhựa PP, LPG, Lưu huỳnh hạt, hương tới người sử dụng cuối cùng (Nhà máy sản xuất).
- Nghiên cứu kinh doanh các sản phẩm khác của BSR như chủng loại hạt nhựa PP mới, ...
- Chủ động các cơ hội tham gia cung cấp nguyên liệu cấu tử trung gian, hóa phẩm, xúc tác, phụ gia cho BSR và các Nhà máy lọc hóa dầu, đa dạng nguồn doanh thu cho Công ty.
- Chú trọng mở rộng nhóm khách hàng lẻ tại các khu vực có nhu cầu vận tải vật tư công nghiệp, hóa chất trong lĩnh vực dầu khí và công nghiệp hóa chất; đồng thời tận dụng năng lực logistics sẵn có để phát triển các dịch vụ vận tải chuyên biệt, qua đó đa dạng nguồn khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu ngoài các hợp đồng đang thực hiện.
- Thực hiện các giải pháp quản trị chuỗi cung ứng nhằm tối ưu chi phí vận tải, thuê kho,... nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại.



- Thực hiện đào tạo đội ngũ marketing, bán hàng chuyên nghiệp, năng động, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới khách hàng.

#### **4. Kinh doanh dịch vụ**

##### **4.1. Dịch vụ logistics**

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các Hợp đồng dịch vụ vận chuyển đã ký với BSR.
- Tập trung phát triển khách hàng tại các khu vực có nhu cầu vận tải vật tư công nghiệp, hóa chất (liên quan đến ngành dầu khí, hóa chất) và tận dụng năng lực sẵn có để cung cấp dịch vụ vận tải chuyên biệt, ổn định doanh thu ngoài các hợp đồng dài hạn.
- Chủ động tiếp cận Ban quản lý dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất và các nhà thầu EPC để tham gia các gói thầu vận chuyển, tập trung vào nhu cầu sử dụng phương tiện chuyên dụng trong giai đoạn chuẩn bị thi công.
- Tăng cường năng lực vận tải, cung cấp dịch vụ logistics cho BSR; cung cấp dịch vụ forwarding cho các Dự án công nghiệp.
- Bổ sung nhân sự có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu sâu về vận tải chuyên biệt, chuỗi cung ứng dự án EPC.

##### **4.2. Dịch vụ quản lý và cho thuê nhà**

- Tiếp tục thực hiện Hợp đồng quản lý nhà giai đoạn 2025 – 2027, đảm bảo doanh thu của hoạt động này ổn định liên tục.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cho thuê nhà, tăng cường tính chuyên nghiệp và kiểm soát chặt chẽ các chi phí vận hành.
- Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất nhà ở, triển khai kế hoạch sửa chữa, cải tạo đồng bộ theo mẫu căn nhà chuẩn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú và tăng khả năng cạnh tranh.
- Khai thác nhu cầu lưu trú từ các nhà thầu, chủ động tiếp cận và chào giá đến các nhà thầu trong và nước ngoài khi triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất, Dự án mở rộng Nhà máy Thép Hòa Phát.

##### **4.3. Dịch vụ O&M, dịch vụ kỹ thuật**

- Đẩy mạnh công tác Marketing dịch vụ O&M đến các dự án lọc hóa dầu và các khu công nghiệp lớn trên toàn quốc.
- Tập trung tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật tại BSR (bảo dưỡng & sửa chữa, cung cấp thiết bị).
- Đào tạo và phát triển đội ngũ kỹ sư có chuyên môn cao, đặc biệt trong các dịch vụ đặc thù như lắp đặt dàn giáo, sửa chữa chuyên sâu.
- Lập kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, máy móc, thiết bị, xây dựng hệ thống quy trình quản lý hoạt động dịch vụ kỹ thuật.
- Nghiên cứu phát triển lĩnh vực dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn máy móc thiết bị, tìm kiếm thị trường, đối tác để hợp tác cung ứng dịch vụ liên quan kiểm định/hiệu chuẩn.

##### **4.4. Dịch vụ hậu cần khác**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các hợp đồng đã ký (giặt ủi công nghiệp, chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, cho thuê lao động, ...).



- Tăng cường công tác đào tạo và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp. Chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất và nguồn lực để cung cấp dịch vụ cho các nhà thầu thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các dự án khác tại Khu kinh tế Dung Quất, thiết lập quan hệ hợp tác ngay từ đầu.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng các dịch vụ hậu cần khác nhằm tận dụng tối đa nguồn nhân lực của Công ty.

- Bên cạnh các dịch vụ truyền thống cần bổ sung các dịch vụ mới như các dịch vụ bảo dưỡng vừa và nhỏ, dịch vụ vệ sinh công nghiệp,... để tận dụng các thế mạnh về kho bãi, nhân sự và khoảng cách địa lý.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí để tối ưu hiệu quả kinh doanh.

### **5. Công tác tài chính**

- Tăng cường các biện pháp đôn đốc, thu hồi công nợ khách hàng, gán trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận/cá nhân phụ trách; áp dụng các điều khoản thanh toán chặt chẽ.

- Thực hiện theo dõi, dự báo dòng tiền thường xuyên, kịp thời phát hiện và điều chỉnh kế hoạch thu/chi, thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, đa dạng hóa các kênh huy động vốn nhằm quản trị dòng tiền tối ưu, nâng cao hiệu quả cho hoạt động tài chính.

### **6. Công tác đầu tư**

- Chuẩn bị các nguồn lực về con người, tài chính cho hoạt động đầu tư.

- Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu lựa chọn công nghệ tiên tiến, mức độ tự động hóa, an toàn và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ các đơn vị trong ngành và đối tác chiến lược.

- Thực hiện công tác thẩm định, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư chặt chẽ, đảm bảo các yêu cầu pháp lý; thường xuyên rà soát cập nhật, đánh giá lại trong quá trình triển khai và vận hành.

- Chủ động, tích cực phối hợp với BSR trong việc trao đổi thông tin, định hướng đầu tư, lựa chọn công nghệ; tận dụng lợi thế về kinh nghiệm, hệ sinh thái của BSR trong triển khai các dự án; đảm bảo công tác đầu tư được triển khai đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

### **7. Công tác nhân sự, đào tạo**

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, bố trí lao động phù hợp;

- Thực hiện công tác đào tạo, tối ưu hóa nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động

- Lập kế hoạch nhu cầu nhân sự và chủ động đề xuất Công ty mẹ cử nhân sự hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **8. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp**

- Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong đó nhấn mạnh giá trị đặc trưng gắn với văn hóa 76 (7 chuẩn mực hành vi lãnh đạo BSPPT và 6 nguyên tắc văn hóa BSPPT), tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, người lao động.

### 9. Công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, phát huy phong trào đề xuất sáng kiến cải tiến, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh và tinh thần chủ động sáng tạo trong toàn thể người lao động.
- Công tác chuyển đổi số đã đạt được thành tựu nhất định, tuy nhiên vẫn chưa đạt kỳ vọng do hạn chế về hạ tầng CNTT, trong năm 2026 Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục hạ tầng CNTT, thực hiện chuyển đổi số toàn diện các hoạt động của Công ty.

### 10. Công tác ESG

- Chuẩn hóa quy trình quản lý môi trường, thúc đẩy mua sắm và chuyển đổi xanh.
- Lồng ghép ESG vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực và đào tạo cán bộ, chuẩn hóa hoạt động trách nhiệm xã hội theo hướng có mục tiêu và đánh giá tác động.

### 11. Công tác đoàn thể

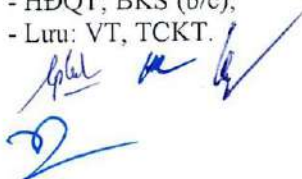
- Chăm lo bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động, tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, phát động các phong trào thi đua, gắn phong trào thi đua với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện văn hóa an toàn, kỷ luật lao động.
- Tổ chức các hoạt động nhằm tạo sự gắn kết đoàn kết nội bộ, triển khai các chương trình an sinh xã hội, từ thiện.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

#### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS (b/c);
- Lưu: VT, TCKT.



**GIÁM ĐỐC**



**Phan Quốc Toàn**



**Phụ lục I**  
**KẾ HOẠCH DOANH THU CHI PHÍ NĂM 2026**  
*(Kèm theo Báo cáo số 60/BC-BSPPT ngày 24 tháng 3 năm 2026)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
<b>I</b>	<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>TỶ ĐỒNG</b>	<b>2.060,45</b>	
<b>1</b>	<b>Sản xuất kinh doanh bao bì</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>83,81</b>	
<b>2</b>	<b>Kinh doanh dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>112,19</b>	
<b>3</b>	<b>Kinh doanh Thương mại</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.840,15</b>	
	<i>Hạt nhựa PP</i>	<i>“</i>	<i>1.338,49</i>	
	<i>Pallet gỗ</i>	<i>“</i>	<i>41,72</i>	
	<i>LPG</i>	<i>“</i>	<i>423,74</i>	
	<i>Lưu huỳnh hạt</i>	<i>“</i>	<i>36,20</i>	
<b>4</b>	<b>Doanh thu thương mại mới</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>13,50</b>	
<b>5</b>	<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10,80</b>	
<b>6</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>0,00</b>	
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>TỶ ĐỒNG</b>	<b>2.037,70</b>	
<b>1</b>	<b>Chi phí vốn</b>	<b>“</b>	<b>1.993,38</b>	
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý Công ty</b>	<b>“</b>	<b>32,00</b>	
<b>3</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>“</b>	<b>8,12</b>	
<b>4</b>	<b>Chi phí tài chính, khác</b>	<b>“</b>	<b>4,20</b>	
<b>5</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>“</b>	<b>-</b>	
<b>III</b>	<b>TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG</b>			
<b>IV</b>	<b>LÃI (LỖ) TRƯỚC THUẾ</b>	<b>TỶ ĐỒNG</b>	<b>22,75</b>	
<b>V</b>	<b>XỬ LÝ TÀI CHÍNH</b>			
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>22,75</b>	
<b>2</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>4,60</b>	
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>18,15</b>	
<b>4</b>	<b>Trích các quỹ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6,88</b>	
<b>5</b>	<b>Chia cổ tức cho BSR (83,26%)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>9,39</b>	
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)</b>	<b>%</b>	<b>6,4%</b>	
<b>7</b>	<b>ROA</b>	<b>%</b>	<b>4,0%</b>	
<b>8</b>	<b>ROE</b>	<b>%</b>	<b>9,3%</b>	

**Phụ lục II**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2026**  
*(Kèm theo Báo cáo số 60/BC-BSPPT ngày 24 tháng 3 năm 2026)*

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2026						Thực hiện công việc trong năm
						Số quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư			Giá trị giải ngân			
									Tổng số	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
												Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		
A	ĐẦU TƯ XDCB				Tỷ đồng							-	-	-	-	-	-	
I	Dự án chuyển tiếp				Tỷ đồng													
II	Dự án thực hiện trong năm				Tỷ đồng							-	-	-	-	-	-	
B	MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH				Tỷ đồng							3,8	3,8	-	3,8	3,8	-	
1	- 01 xe ô tô phục vụ SXKD				Tỷ đồng							2,0	2,0	-	2,0	2,0		
2	- 01 xe đầu kéo phục vụ giao nhận hàng				Tỷ đồng							1,8	1,8	-	1,8	1,8	-	
	Tổng (A)+(B)				Tỷ đồng							3,8	3,8	-	3,8	3,8	-	



**Phụ lục III**  
**CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026 THEO QUÝ**  
*(Kèm theo Báo cáo số 60/BC-BSPPT ngày 24 tháng 3 năm 2026)*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I=2+...5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu sản lượng và kinh doanh dịch vụ</b>						
<b>1.1</b>	<b>Sản phẩm thương mại</b>						
a	Hạt nhựa PP	Tấn	58.800	14.700	14.700	14.700	14.700
b	Pallet gỗ	Cái	127.200	31.800	31.800	31.800	31.800
c	LPG	Tấn	24.600	6.150	6.150	6.150	6.150
d	Lưu huỳnh hạt	Tấn	2.700	675	675	675	675
<b>1.2</b>	<b>Sản phẩm bao bì</b>						
a	Bao nông sản	Triệu bao	1,81	0,66	0,34	0,24	0,57
b	Bao đóng gói hạt nhựa	Triệu bao	6,60	1,65	1,65	1,65	1,65
<b>1.3</b>	<b>Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>112,19</b>	<b>31,41</b>	<b>31,23</b>	<b>22,28</b>	<b>27,27</b>
a	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	25,41	6,35	6,35	6,35	6,35
b	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	38,00	9,50	9,50	9,50	9,50
c	Dịch vụ hậu cần khác (giặt lá, nhà hàng, cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, chăm sóc cây xanh, hỗ trợ hành chính...)	Tỷ đồng	40,50	15,37	15,37	4,87	4,87
d	Dịch vụ mới (Xây lắp, Sự kiện...)	Tỷ đồng	8,28	0,18	0,00	1,56	6,55
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	194,4	180,9	185,3	189,7	194,4
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>175,2</i>	<i>175,2</i>	<i>175,2</i>	<i>175,2</i>	<i>175,2</i>
	<i>- Tỷ lệ tham gia của BSR</i>	<i>%</i>	<i>83,26</i>	<i>83,26</i>	<i>83,26</i>	<i>83,26</i>	<i>83,26</i>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.060,45</b>	<b>516,56</b>	<b>514,03</b>	<b>511,27</b>	<b>518,60</b>
	<i>Sản xuất kinh doanh bao bì</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>83,81</i>	<i>22,41</i>	<i>20,07</i>	<i>19,50</i>	<i>21,84</i>
	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>112,19</i>	<i>31,41</i>	<i>31,23</i>	<i>22,28</i>	<i>27,27</i>
	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.840,15</i>	<i>460,04</i>	<i>460,04</i>	<i>460,04</i>	<i>460,04</i>
	<i>Kinh doanh thương mại mới</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>13,50</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>6,75</i>	<i>6,75</i>
	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10,80</i>	<i>2,70</i>	<i>2,70</i>	<i>2,70</i>	<i>2,70</i>
	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,0				
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>22,75</b>	<b>5,74</b>	<b>5,60</b>	<b>5,49</b>	<b>5,93</b>

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	I=2+...5	2	3	4	5
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	4,60	1,16	1,13	1,11	1,20
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,15	4,58	4,47	4,38	4,73
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14,40	3,60	3,60	3,60	3,60
7	Trích các quỹ	Tỷ đồng	6,88				
8	Chia cổ tức cho BSR (83,26%)	Tỷ đồng	9,39				
III	Chỉ tiêu đầu tư						
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	3,8	-	3,8	-	-
	Trong đó: - Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-	-	-		
	- Mua sắm thiết bị/TSCĐ	Tỷ đồng	3,8	-	3,8	-	
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	3,8	-	3,8	-	-
	Trong đó:	Tỷ đồng					
	- Vốn chủ sở hữu	"	3,8	-	3,8	-	-
	- Vốn vay + khác	"					
IV	Các chỉ tiêu khác						
1	Lao động và tiền lương:						
	- Số lao động đầu kỳ (bao gồm BDH)	Người	296	296	306	306	306
	- Số lao động cuối kỳ (bao gồm BDH)	Người	306	306	306	306	306
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	305	301	306	306	306
	- Tiền lương bình quân (bao gồm BDH)	Trđ/ng tháng	11,41	11,41	11,41	11,41	11,41
	- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương)	Trđ/ng	18,54	18,54	18,54	18,54	18,54
	- Quỹ lương người lao động và BDH	Tỷ đồng	41,74	10,43	10,43	10,43	10,43
	- Quỹ lương và thù lao TVHD, KSV	Tỷ đồng	3,35	0,84	0,84	0,84	0,84
2	Đào tạo	Lượt người	970	38	162	130	640
	- Đào tạo cán bộ theo kế hoạch	"	970	38	162	130	640
	- Đào tạo dịch vụ	"					
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	1,30	0,33	0,33	0,33	0,33
4	Công tác An sinh xã hội	Tỷ đồng	0,15	0,05	0,02	0,05	0,03
5	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	6,00				
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	0,20				



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
BÌNH SƠN**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

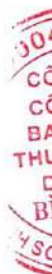
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30





## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Thôn Phước Hòa, Xã Vạn Tường,

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Tá Vũ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2026)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2026)
Ông Mai Tuấn Đạt	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2026)
Ông Phan Quốc Toàn	Thành viên
Ông Trần Xuân Thu	Thành viên
Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Quốc Toàn	Giám đốc
Ông Huỳnh Việt Cường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Trịnh Văn	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Thế Bảo	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2026)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Thôn Phước Hòa, Xã Vạn Tường,

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Quốc Toàn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026



Số: 0526 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn, gọi tắt là "Công ty", được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Nam Phong**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0929-2024-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 02 tháng 3 năm 2026*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Đào Ngọc Duy**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5969-2023-001-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>367.207.418.263</b>	<b>244.594.365.742</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>108.160.745.463</b>	<b>77.499.885.437</b>
1. Tiền	111		12.288.064.013	26.627.203.987
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.872.681.450	50.872.681.450
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.266.010.000</b>	<b>70.266.010.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	100.266.010.000	70.266.010.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>137.149.280.864</b>	<b>65.970.420.852</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	133.797.400.019	63.569.456.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		394.396.925	761.818
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.957.483.920	2.400.202.334
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>18.392.736.785</b>	<b>29.151.382.921</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.392.736.785	29.151.382.921
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.238.645.151</b>	<b>1.706.666.532</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.008.651.861	1.706.666.532
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		884.470.043	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	345.523.247	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>81.356.452.232</b>	<b>43.935.275.933</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75.489.918.906</b>	<b>39.747.733.906</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	75.262.113.346	39.747.733.906
- Nguyên giá	222		232.031.863.417	188.986.058.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.769.750.071)	(149.238.324.821)
2. Tài sản cố định vô hình	227		227.805.560	-
- Nguyên giá	228		388.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.300.440)	(93.106.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>617.361.368</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		617.361.368	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.249.171.958</b>	<b>4.187.542.027</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.249.171.958	4.187.542.027
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>448.563.870.495</b>	<b>288.529.641.675</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>257.204.261.941</b>	<b>96.086.706.642</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>257.204.261.941</b>	<b>96.020.706.642</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 12	152.601.254.045	84.731.044.896
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 13	275.066.578	824.721.715
3. Phải trả người lao động	314	12.379.606.522	5.240.240.570
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	507.514.980	573.681.723
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 14	4.277.897.298	3.237.973.831
6. Vay ngắn hạn	320 15	83.600.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.562.922.518	1.413.043.907
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>66.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	66.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>191.359.608.554</b>	<b>192.442.935.033</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 16</b>	<b>191.359.608.554</b>	<b>192.442.935.033</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	930.860.044	930.860.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.077.740.488	16.161.066.967
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	15.077.740.488	16.161.066.967
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>	<b>448.563.870.495</b>	<b>288.529.641.675</b>


Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập biểu

Nguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởngPhan Quốc Toàn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.444.502.419.142	813.040.460.823
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.444.502.419.142	813.040.460.823
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.391.926.830.433	773.962.279.271
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.575.588.709	39.078.181.552
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.649.032.156	4.289.836.496
6. Chi phí tài chính	22	23	1.468.915.882	16.881.156
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.456.138.630	2.394.521
7. Chi phí bán hàng	25	24	6.949.123.205	4.880.867.754
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	28.674.256.723	17.803.871.217
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		23.132.325.055	20.666.397.921
10. Thu nhập khác	31		14.580.000	500.000
11. Chi phí khác	32		237.855.458	241.805.151
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(223.275.458)	(241.305.151)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.909.049.597	20.425.092.770
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.953.879.109	2.264.025.803
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		19.955.170.488	18.161.066.967
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	860	709

Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập biểuNguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởngPhan Quốc Toàn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>22.909.049.597</b>	<b>20.425.092.770</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.598.619.690	7.070.681.934
Các khoản dự phòng	03	-	(2.950.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(120.565.685)	(82.139.150)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.504.766.628)	(4.200.728.363)
Chi phí lãi vay	06	1.456.138.630	2.394.521
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>24.338.475.604</b>	<b>20.265.301.712</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(71.606.576.622)	32.773.935.954
Thay đổi hàng tồn kho	10	10.758.646.136	(9.482.298.128)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	75.136.599.782	(6.054.721.827)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.363.615.260)	(855.637.290)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.404.303.014)	(2.394.521)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.336.187.508)	(2.956.536.782)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.183.487.000)	(5.639.139.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>26.339.552.118</b>	<b>28.048.510.118</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>21</b>	<b>(43.678.448.369)</b>	<b>(396.740.909)</b>
<b>2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>23</b>	<b>(52.100.000.000)</b>	<b>(5.600.000.000)</b>
<b>3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>24</b>	<b>22.100.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
<b>4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>27</b>	<b>6.702.489.948</b>	<b>5.250.366.056</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(66.975.958.421)</b>	<b>4.253.625.147</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	698.400.000.000	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(614.800.000.000)	(5.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.423.299.356)	(11.934.186.208)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>71.176.700.644</b>	<b>(11.934.186.208)</b>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	 50	 30.540.294.341	 20.367.949.057
 Tiền và tương đương tiền đầu năm	 60	 77.499.885.437	 57.049.797.230
 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	 61	 120.565.685	 82.139.150
 Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	 70	 108.160.745.463	 77.499.885.437



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởng



Phan Quốc Toàn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 16 tháng 12 năm 2025. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán là PBT.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 352 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 348).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán hạt nhựa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất bao bì từ giấy Kraft;
- In ấn;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống, nhiên liệu động cơ, sách, báo, văn phòng phẩm;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; và
- Các dịch vụ hậu cần khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, hạt nhựa, kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và cung cấp các dịch vụ hậu cần.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.



## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa mua ngoài, giá gốc hàng hóa mua vào bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng từ nơi mua về kho doanh nghiệp, chi phí bảo hiểm,...), các loại thuế, phí (nếu có). Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03 năm).

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ cho thuê chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

#### Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập tính thuế cho hoạt động sản xuất kinh doanh khác và thuế suất 10% tính trên thu nhập tính thuế cho dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì Polypropylene trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2011); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2025, Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	28.267.963	82.205.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	12.259.796.050	26.544.998.928
Các khoản tương đương tiền (ii) (iii) (iv)	95.872.681.450	50.872.681.450
	<b>108.160.745.463</b>	<b>77.499.885.437</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư tiền gửi không kỳ hạn bao gồm khoản tiền tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại - Chi nhánh Quảng Ngãi (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi) với giá trị 128.737.873 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 128.737.873 VND) là tiền gửi từ ngày 30 tháng 9 năm 2015 trở về trước đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 1,6%/năm đến 3,55%/năm).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại - Chi nhánh Quảng Ngãi với giá trị là 102.681.450 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 102.681.450 VND) đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất với tổng số tiền 30.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) được dùng để cầm cố cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	100.266.010.000	100.266.010.000	70.266.010.000	70.266.010.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9%/năm đến 5,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất và Chi nhánh Quảng Ngãi, bao gồm:

- Khoản tiền gửi với số tiền 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.000.000.000 VND) được dùng để ký quỹ bảo lãnh cho các hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- Các khoản tiền gửi với tổng số tiền 49.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) được dùng để cầm cố cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất.



**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa	30.423.615.853	-
Công ty Cổ phần Kanetora	22.122.802.152	2.508.155.288
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.017.547.355	26.411.414.194
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	18.817.392.444	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	16.000.936.417	7.860.345.922
Các khoản phải thu khách hàng khác	27.415.105.798	26.789.541.296
	<b>133.797.400.019</b>	<b>63.569.456.700</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan chủ yếu</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	<b>37.881.520.441</b>	<b>26.431.414.194</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi dự thu	2.782.928.181	1.980.651.501
Tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	-	212.000.000
Phải thu khác	174.555.739	207.550.833
	<b>2.957.483.920</b>	<b>2.400.202.334</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan chủ yếu</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	<b>486.267.124</b>	<b>451.326.028</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.926.249.205	-	9.787.096.268	-
Công cụ, dụng cụ	2.734.506.648	-	2.896.255.474	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	775.819.876	-	677.183.920	-
Thành phẩm	8.956.161.056	-	11.055.499.356	-
Hàng hoá	-	-	4.735.347.903	-
	<b>18.392.736.785</b>	<b>-</b>	<b>29.151.382.921</b>	<b>-</b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	663.527.100	606.332.026
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	511.511.292	537.371.259
Chi phí bảo hiểm	451.520.966	196.351.929
Khác	382.092.503	366.611.318
	<b>2.008.651.861</b>	<b>1.706.666.532</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.037.708.493	1.807.480.994
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	2.675.622.939	2.103.110.431
Khác	535.840.526	276.950.602
	<b>5.249.171.958</b>	<b>4.187.542.027</b>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	85.272.151.850	74.235.969.784	29.005.840.274	472.096.819	-	188.986.058.727
Tăng trong năm	718.400.900	65.000.000	-	538.855.037	71.856.000	1.394.111.937
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	166.034.000	-	41.485.658.753	-	-	41.651.692.753
Số dư cuối năm	<b>86.156.586.750</b>	<b>74.300.969.784</b>	<b>70.491.499.027</b>	<b>1.010.951.856</b>	<b>71.856.000</b>	<b>232.031.863.417</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	55.641.021.978	70.931.788.280	22.392.159.653	273.354.910	-	149.238.324.821
Khấu hao trong năm	3.241.590.468	760.869.054	3.395.039.815	125.875.379	8.050.534	7.531.425.250
Số dư cuối năm	<b>58.882.612.446</b>	<b>71.692.657.334</b>	<b>25.787.199.468</b>	<b>399.230.289</b>	<b>8.050.534</b>	<b>156.769.750.071</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	29.631.129.872	3.304.181.504	6.613.680.621	198.741.909	-	39.747.733.906
Tại ngày cuối năm	<b>27.273.974.304</b>	<b>2.608.312.450</b>	<b>44.704.299.559</b>	<b>611.721.567</b>	<b>63.805.466</b>	<b>75.262.113.346</b>

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 106.262.575.509 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 86.024.968.985 VND).



**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số Cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	135.077.954.974	135.077.954.974	68.314.596.319	68.314.596.319
Phải trả cho các đối tượng khác	17.523.299.071	17.523.299.071	16.416.448.577	16.416.448.577
	<b>152.601.254.045</b>	<b>152.601.254.045</b>	<b>84.731.044.896</b>	<b>84.731.044.896</b>
<b>Trong đó:</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	135.490.391.758	135.490.391.758	69.840.802.110	69.840.802.110

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	42.885.230	42.885.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	30.503.922	30.503.922
Thuế nhà đất	-	-	272.134.095	272.134.095
	-	-	<b>345.523.247</b>	<b>345.523.247</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	428.449.874	7.024.895.444	7.453.345.318	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.804.477	2.953.879.109	3.305.683.586	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.467.364	1.048.053.727	817.454.513	275.066.578
Tiền thuê đất	-	931.043.986	931.043.986	-
Thuế, phí khác	-	1.154.670.000	1.154.670.000	-
	<b>824.721.715</b>	<b>13.112.542.266</b>	<b>13.662.197.403</b>	<b>275.066.578</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	6.760.068	6.760.068
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.576.815.140	2.831.198.150
Kinh phí công đoàn	278.632.839	145.046.789
Các khoản phải trả, phải nộp khác	415.689.251	254.968.824
	<b>4.277.897.298</b>	<b>3.237.973.831</b>

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	-	-	677.400.000.000	593.800.000.000	83.600.000.000	83.600.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
	-	-	<b>698.400.000.000</b>	<b>614.800.000.000</b>	<b>83.600.000.000</b>	<b>83.600.000.000</b>

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với ngân hàng. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, chịu lãi suất cố định theo từng lần nhận nợ và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 6.

Trong năm, các khoản vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất từ 3,5%/năm đến 7,1%/năm.



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>175.222.845.365</b>	<b>1.265.855.044</b>	<b>128.162.657</b>	<b>15.172.873.021</b>	<b>191.789.736.087</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.161.066.967	18.161.066.967
Trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(3.162.121.013)	(3.162.121.013)
Trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(411.000.000)	(411.000.000)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(11.599.752.008)	(11.599.752.008)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Giảm khác	-	(334.995.000)	-	-	(334.995.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>175.222.845.365</b>	<b>930.860.044</b>	<b>128.162.657</b>	<b>16.161.066.967</b>	<b>192.442.935.033</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.955.170.488	19.955.170.488
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	(4.877.430.000)	(4.877.430.000)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	-	(281.832.000)	(281.832.000)
Trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	-	(3.455.935.611)	(3.455.935.611)
Chia cổ tức năm 2024 (i)	-	-	-	(12.423.299.356)	(12.423.299.356)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>175.222.845.365</b>	<b>930.860.044</b>	<b>128.162.657</b>	<b>15.077.740.488</b>	<b>191.359.608.554</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-BSPPT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5.455.935.611 VND (Công ty đã tạm trích trong năm 2024 số tiền 2.000.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm nay là 3.455.935.611 VND), trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý: 281.832.000 VND, chia cổ tức bằng tiền: 12.423.299.356 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>17.522.284</b>	<b>17.522.284</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.522.284</i>	<i>17.522.284</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>17.522.284</b>	<b>17.522.284</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.522.284</i>	<i>17.522.284</i>

#### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 24 ngày 16 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	145.892.845.365	83,26	145.892.845.365	83,26
Ông Nguyễn Anh Triển	12.750.000.000	7,28	12.750.000.000	7,28
Khách sạn Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Các cổ đông khác	11.080.000.000	6,32	11.080.000.000	6,32
	<b>175.222.845.365</b>	<b>100</b>	<b>175.222.845.365</b>	<b>100</b>

## 17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### Cam kết thuê hoạt động

- (i) Công ty là bên đi thuê

Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	1.598.728.972	1.598.728.972
Trên 1 năm đến 5 năm	6.394.915.886	6.394.915.886
Trên 5 năm	27.578.074.759	29.176.803.730
	<b>35.571.719.617</b>	<b>37.170.448.588</b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo các hợp đồng thuê đất dài hạn và các phụ lục đã ký kết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi với thời hạn thuê trong 32 năm, đến hết tháng 3 năm 2048.



(ii) Công ty là bên cho thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các hợp đồng cho thuê nhà dài hạn tại Khu tập thể đề bao sông Trà Khúc và Khu tập thể Vạn Tường; các hợp đồng cho thuê tài sản với thời hạn thuê từ 01 năm đến 10 năm. Giá thuê được quy định cụ thể theo từng hợp đồng đối với các khách hàng thuê.

Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tổng số tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	520.000.000	2.053.238.182
Trên 1 năm đến 5 năm	-	520.000.000
	<u><b>520.000.000</b></u>	<u><b>2.573.238.182</b></u>

**Ngoại tệ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	57.071,73	107.232,71

**Nợ khó đòi đã xử lý**

Trong năm 2021, Công ty đã xóa sổ 504.814.246 VND nợ khó đòi do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 13 tháng 10 năm 2021 trong đó bao gồm các khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung và Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì và các lĩnh vực khác (kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, cho thuê nhà, dịch vụ quản lý nhà, vận chuyển...) và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận như sau:

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:**

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.312.311.836	1.353.190.107.306	1.444.502.419.142
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	66.380.421.840	1.325.546.408.593	1.391.926.830.433
3. Chi phí bán hàng	2.718.157.338	4.230.965.867	6.949.123.205
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.348.941.609	26.325.315.114	28.674.256.723
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	7.649.032.156	7.649.032.156
6. Chi phí tài chính	-	1.468.915.882	1.468.915.882
7. Thu nhập khác	-	14.580.000	14.580.000
8. Chi phí khác	-	237.855.458	237.855.458
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.864.791.049	3.044.258.548	22.909.049.597

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:**

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.451.960.406	728.588.500.417	813.040.460.823
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	66.203.479.146	707.758.800.125	773.962.279.271
3. Chi phí bán hàng	2.521.417.347	2.359.450.407	4.880.867.754
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.554.488.346	15.249.382.871	17.803.871.217
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	4.289.836.496	4.289.836.496
6. Chi phí tài chính	-	16.881.156	16.881.156
7. Thu nhập khác	-	500.000	500.000
8. Chi phí khác	-	241.805.151	241.805.151
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.172.575.567	7.252.517.203	20.425.092.770

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hạt nhựa	945.123.562.296	604.775.676.327
Doanh thu bán LPG	247.886.442.213	-
Doanh thu sản phẩm Nhà máy Bao bì	91.312.311.836	84.451.960.406
Doanh thu bán pallet	39.923.000.000	36.649.800.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	34.246.409.416	34.582.087.556
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	25.573.918.018	23.938.725.831
Doanh thu bán Lưu huỳnh hạt	8.361.662.691	-
Doanh thu dịch vụ khác	52.075.112.672	28.642.210.703
	<b>1.444.502.419.142</b>	<b>813.040.460.823</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 27)	<b>382.990.748.447</b>	<b>174.117.140.100</b>



**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hạt nhựa	936.293.175.716	598.297.719.017
Giá vốn bán LPG	245.647.687.434	-
Giá vốn bán sản phẩm Nhà máy Bao bì	66.380.421.840	66.203.479.146
Giá vốn bán pallet	37.657.961.982	35.242.854.538
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	27.809.860.641	28.978.252.817
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	21.448.445.612	21.048.279.910
Giá vốn bán Lưu huỳnh hạt	8.216.800.564	-
Giá vốn dịch vụ khác	48.472.476.644	24.191.693.843
	<b>1.391.926.830.433</b>	<b>773.962.279.271</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.478.792.553	62.534.032.275
Chi phí nhân công	63.997.063.777	51.472.945.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.598.619.690	7.070.681.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.715.796.979	35.561.593.188
Chi phí dự phòng	-	(2.950.000.000)
Chi phí khác bằng tiền	17.438.018.526	12.980.585.678
	<b>209.228.291.525</b>	<b>166.669.838.881</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	7.504.766.628	4.200.728.363
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	125.949.250	82.139.150
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	18.316.278	6.968.983
	<b>7.649.032.156</b>	<b>4.289.836.496</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.456.138.630	2.394.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	5.383.565	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.393.687	14.486.635
	<b>1.468.915.882</b>	<b>16.881.156</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	2.831.087.493	2.389.101.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.140.330.320	254.716.061
Chi phí khác	1.977.705.392	2.237.050.659
	<b>6.949.123.205</b>	<b>4.880.867.754</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	18.157.691.643	12.128.409.310
Chi phí vật liệu quản lý	579.967.195	915.298.090
Chi phí công cụ, dụng cụ	279.546.430	273.405.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.072.678.290	966.638.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.161.120.436	2.759.512.781
Chi phí khác	4.423.252.729	3.710.607.105
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(2.950.000.000)
	<b>28.674.256.723</b>	<b>17.803.871.217</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>22.909.049.597</b>	<b>20.425.092.770</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.816.238.725	792.970.879
<b>Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>24.725.288.322</b>	<b>21.218.063.649</b>
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	4.813.502.766	8.020.817.468
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi	19.911.785.556	13.197.246.181
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.953.879.109</b>	<b>2.923.888.112</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(659.862.309)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm nay</b>	<b>2.953.879.109</b>	<b>2.264.025.803</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>19.955.170.488</b>	<b>18.161.066.967</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(4.877.430.000)	(5.455.935.611)
Trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý (VND)	-	(281.832.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>15.077.740.488</b>	<b>12.423.299.356</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	17.522.284	17.522.284
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>860</b>	<b>709</b>





*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	192.779.335.629	173.789.867.375
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	189.694.679.651	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	218.181.816	218.181.816
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	138.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	110.087.971	109.090.909
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí	50.463.380	-
	<b>382.990.748.447</b>	<b>174.117.140.100</b>
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.185.555.496.614	600.224.850.157
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	3.749.735.126	3.111.932.959
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.468.452.272	13.216.070.457
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.253.170.908	2.153.750.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	944.208.571	-
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	646.798.180	503.107.042
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	204.250.928	180.440.113
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	5.876.712	35.033.042
	<b>1.193.827.989.311</b>	<b>619.425.183.770</b>
<b>Lãi tiền gửi</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	832.078.733	804.968.578
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	10.343.802.356	9.658.106.008
Ông Nguyễn Anh Triển	903.975.000	844.050.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	4.115.726.589	9.042.495.954
<b>Tương đương tiền</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.000.000.000	-
<b>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	17.100.000.000	17.100.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.017.547.355	26.411.414.194
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	18.817.392.444	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	40.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công Trình Dầu Khí	6.580.642	-
	<b>37.881.520.441</b>	<b>26.431.414.194</b>



	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	486.267.124	451.326.028
	<b>486.267.124</b>	<b>451.326.028</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	135.077.954.974	68.314.596.319
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL miền Trung	371.197.800	301.220.700
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	520.128.000
Công ty cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	41.238.984	-
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	704.857.091
	<b>135.490.391.758</b>	<b>69.840.802.110</b>

**Tổng thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Mai Tuấn Đạt	190.408.247	26.057.921
Ông Lê Xuân Sơn	714.030.925	474.109.907
Bà Hà Thị Hoa	714.030.925	474.109.907
Ông Phan Quốc Toàn	142.806.185	-
Ông Trần Xuân Thu	142.806.185	34.546.485
Ông Phạm Tuấn Anh	-	78.173.762
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Phan Quốc Toàn	833.036.080	219.994.180
Ông Huỳnh Việt Cường	714.030.925	474.109.907
Ông Huỳnh Trịnh Văn	714.030.925	474.109.907
Ông Trần Xuân Thu	-	333.134.044
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Đỗ Thị Phương Thúy	666.428.864	284.465.944
Bà Phạm Thanh Thảo	307.902.224	252.858.616
Ông Phan Bá Công	95.204.123	46.325.192
<b>Kế toán Trưởng</b>		
Ông Nguyễn Tấn Phát	666.428.864	395.091.588

## 28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời gian kết thúc dự án của Nhà máy Sản xuất Bao bì PolyPropylene và Khu tập thể đề bao sông Trà Khúc. Công ty đánh giá rằng, chi phí liên quan đến việc hoàn trả nguyên trạng các khu đất thuê không được ước tính một cách đáng tin cậy do chưa có đủ thông tin và phương pháp ước tính chi phí phù hợp. Do đó, Công ty không ghi nhận dự phòng liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả nguyên trạng các khu đất trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Thuyết minh bổ sung về các giao dịch phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.782.928.181 VND (năm trước: 1.980.651.501 VND) là số tiền lãi của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm chưa thực thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 279.717.689 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 51.835.616 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền lãi của các khoản vay phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Phát  
Kế toán trưởng



Phan Quốc Toàn  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026





**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BA O BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 do Ban điều hành xây dựng và trình bày tại Đại hội đã đánh giá đánh giá tình hình và nêu bật kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty; Báo cáo này Hội đồng quản trị tập trung các nội dung đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác giám sát quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Giám đốc và Ban điều hành; đồng thời, đề ra Kế hoạch hoạt động năm 2026 với các nội dung cơ bản sau:

**Phần thứ nhất**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**  
**I. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị**

**1. Cơ cấu HĐQT**

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty ổn định về số lượng, cơ cấu, thành phần gồm 05 thành viên gồm 01 Chủ tịch kiêm nhiệm, 01 thành viên kiêm Giám đốc, 01 thành viên kiêm nhiệm và 02 thành viên chuyên trách:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP có quyền biểu quyết
1	Mai Tuấn Đạt	Chủ tịch (Bổ nhiệm 01/10/2024)	6.132.800	0	6.132.800
2	Phan Quốc Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm 01/10/2024)	5.256.600	0	5.256.600
3	Trần Xuân Thu	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.752.200	104.500	1.856.700
4	Lê Xuân Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.447.684	0	1.447.684

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP có quyền biểu quyết
5	<b>Hà Thị Hoa</b>	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.285.300	82.300	1.367.600

## 2. Hoạt động của HĐQT

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, HĐQT đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức trước các diễn biến phức tạp và khó khăn thách thức trong năm 2025 để hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo là đơn vị hậu cần uy tín của BSR; đồng thời phát triển các lĩnh vực liên quan theo định hướng của BSR.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT đã ban hành chương trình làm việc năm 2025 và điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách, chỉ đạo và giám sát cụ thể và rõ ràng theo lĩnh vực phù hợp với năng lực trình độ và yêu cầu nhiệm vụ của Công ty nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và cấp thẩm quyền liên quan; Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên HĐQT cùng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định.

Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ của tập thể HĐQT, từng thành viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

### **Ông Mai Tuấn Đạt, Chủ tịch HĐQT:**

+ Phụ trách chung, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan;

+ Công tác Tổ chức nhân sự; đổi mới, tái cấu trúc Công ty.

+ Chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty;

+ Chỉ đạo công tác xây dựng Văn hoá Công ty;

+ Công tác quản lý vốn, quản trị rủi ro.

### **Ông Phan Quốc Toàn, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty:**

+ Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan;



- + Trực tiếp điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Công tác nghiên cứu đánh giá, mở rộng thị trường, đánh giá cơ hội kinh doanh, mở rộng ngành nghề kinh doanh.
- + Trực tiếp chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty, xây dựng Văn hoá Công ty;
- + Chế độ chính sách; Đánh giá cán bộ; Thi đua khen thưởng;
- + Công tác công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

**Ông Trần Xuân Thu, Thành viên HĐQT:**

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- + Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- + Tham mưu công tác quản trị doanh nghiệp
- + Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty theo lĩnh vực được phân công và xây dựng Văn hoá Công ty.

**Ông Lê Xuân Sơn, Thành viên HĐQT:**

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- + Quan hệ cổ đông, truyền thông;
- + Lĩnh vực Kỹ thuật Công nghệ, ESG;
- + Lĩnh vực mua sắm, đầu tư, sản xuất;
- + Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty và xây dựng Văn hoá Công ty theo lĩnh vực được phân công.

**Bà Hà Thị Hoa, Thành viên HĐQT:**

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- + Lĩnh vực Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- + Lĩnh vực Tài chính, kế toán;
- + Lĩnh vực quản lý tài sản;
- + Lĩnh vực pháp chế rủi ro;
- + Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty và xây dựng Văn hoá Công ty theo lĩnh vực được phân công.

- Năm 2025, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 56 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc hướng dẫn liên quan; các cuộc họp đã thảo luận và tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và định hướng phát triển Công ty; đưa các giải pháp phù hợp trong việc thực thi kế hoạch SXKD nhằm tháo gỡ vướng mắc đồng hành với BĐH và người lao động vượt qua khó khăn thách thức ... Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 21 nghị quyết, 51 quyết định với các nội dung chủ yếu tập trung đến công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Công ty, thực hiện vai trò của HĐQT trong việc định hướng phát triển, triển khai các hoạt động SXKD của Công ty và giám sát các hoạt động đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền của HĐQT.

*(Có Danh mục Nghị quyết và Quyết định kèm theo)*

- HĐQT chú trọng công tác phối hợp với BKS trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý thông tin tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- HĐQT thực hiện tốt các nội dung công việc do ĐHĐCĐ giao.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã trực tiếp tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc việc chuẩn bị các nội dung trình HĐQT/Đại hội đồng cổ đông.

## **II. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

*(có Tờ trình kèm theo)*

## **III. Báo cáo giao dịch với người có liên quan**

*(Có Phụ lục đính kèm)*

## **IV. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành**

### **1. Phương thức giám sát hoạt động của Ban điều hành**

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã tiến hành giám sát tính hiệu quả và phù hợp trong hoạt động của Ban điều hành thông qua việc trao đổi, thảo luận với Giám đốc Công ty và Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT; đảm bảo các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở báo cáo định kỳ của Ban điều hành về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất kiến nghị tại các kỳ họp định kỳ và các báo cáo theo



yêu cầu/ đề xuất phát sinh, HĐQT đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và đề ra kế hoạch/ định hướng, chấp thuận phù hợp nhằm tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## 2. Nhận xét đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Căn cứ vào Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận và đánh giá kết quả hoạt động của Ban điều hành như sau:

### 2.1 Những việc đã làm được:

Trong năm 2025, Giám đốc Công ty và Ban điều hành đã có sự tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc, Công ty đã đạt và vượt đa số các chỉ tiêu kinh doanh tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các điều chỉnh bổ sung trong năm. Các chủ trương của ĐHĐCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện tốt. Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

Giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng chú trọng kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, gắn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tới từng bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và từng bước chú trọng đến công tác tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất từng bước chú trọng về chiều sâu, chất lượng cũng như tính chuyên nghiệp của dịch vụ; khẳng định vị trí là một trong những đối tác chiến lược của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Công tác nghiên cứu phát triển KHCN được chú trọng và phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo của tập thể và cá nhân người lao động toàn Công ty và từng bước đi vào chiều sâu thực chất, hướng đến mang lại hiệu quả cho Công ty.

Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty xây dựng một khối đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tập thể đơn vị; chỉ đạo các bộ phận luôn quan tâm sâu sắc và chăm lo chu đáo cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty; tạo cơ chế khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, tham gia tích cực và có đóng góp đáng kể cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

Công tác công bố thông tin được thực hiện đúng quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng quy mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom.



Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện đúng quy định. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Một kết quả một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Tổng doanh thu đạt 1.452,17 tỷ đồng, tăng 8% so với kế hoạch năm, vượt 78 % so với năm 2024

- Lợi nhuận trước thuế 22,91 tỷ đồng, tăng 15% so với kế hoạch năm, vượt 12 % so với năm 2024

- Nộp ngân sách 13,1 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế 19,96 tỷ đồng, tăng 17% so với kế hoạch năm, vượt 10% so với năm 2024

- Thu nhập bình quân người lao động 11,99 triệu đồng/người/tháng, tăng 22% so với kế hoạch năm, vượt 24% so với năm 2024

## 2.2 Những nội dung cần lưu ý:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu; HĐQT nhận thấy trong thời gian đến, Ban điều hành cần tập trung giải quyết triệt để một số nội dung:

- Có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh Khu tập thể đề bao và Khu 4,8 ha;

- Tập trung triển khai nghiên cứu, tìm hiểu và đề xuất các dự án đầu tư;

- Chú trọng công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp và chuyển đổi số;

- Tăng cường công tác tham mưu rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình; thực hiện đúng tiến độ việc giải trình các nội dung khi có yêu cầu.

## **Phần thứ hai** **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Trên cơ sở nhận định tình hình về những thuận lợi, khó khăn và thách thức có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Ban điều hành nhận định làm cơ sở xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2026; Hội đồng quản trị xác định Kế hoạch hoạt động năm 2026 với mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu sau:



## 1. Mục tiêu:

Tổ chức vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư, mở rộng sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng. Chú trọng hơn nữa công tác mở rộng danh mục sản phẩm, thị trường tiêu thụ, tìm kiếm và lựa chọn đối tác uy tín, đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả việc phân phối sản phẩm hạt nhựa PP, LPG và các sản phẩm khác của Nhà máy lọc dầu.

Kịp thời nắm bắt thông tin thị trường để triển khai các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR và các đơn vị khác, nhất là phục vụ cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Mở rộng lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có và chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ.

Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành; triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty.

## 2. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % so với thực hiện 2025
1	2	3	4	5	6
I	<b>CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.452,20	2.060,45	142,00%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,9	22,75	99,30%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	13,1	14,40	109,80%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,0	18,15	91,00%



5	Tỷ lệ chia cổ tức	%/vốn	7,28%	6,44%	88,20%
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG</b>				
1	Lao động bình quân	Người	292	305	101,40%
2	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/ng/t h	19,71	18,54	87,80%
3	Mức tiền lương bình quân	Trđ/th	11,990	11,41	88,00%
4	Quỹ lương tiền lương NLĐ và BDH	Tỷ đồng	42.595	41,74	89,20%
<b>III</b>	<b>CÔNG TÁC ĐẦU TƯ</b>				
	Mua sắm TTB và TSCĐ	Tỷ đồng	45,14	3,8	8,42%
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	45,14	3,8	8,42%
+	Vốn vay	Tỷ đồng	0	0	

(Phụ lục Chi tiết tại Báo cáo và các giải trình của Ban điều hành)

### 3. Nhiệm vụ chủ yếu:

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định, trên cơ sở những định hướng phát triển; trong năm 2026, HĐQT xác định sẽ tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất từng lĩnh vực nhằm tăng cường hiệu quả SXKD. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thiện cơ cấu nhân sự, bộ máy tổ chức toàn Công ty; có kế hoạch quy hoạch cán bộ dài hạn và tập trung đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ đảm bảo sự kế thừa.

- Chú trọng phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo có đội ngũ người lao động lành nghề, chuyên nghiệp theo từng lĩnh vực kinh doanh. Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động.

- Tập trung công tác nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư phù hợp với tình hình, đáp ứng nhu cầu thị trường kinh doanh và khả năng của Công ty.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định quản lý nội bộ trong từng giai đoạn cụ thể để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và sự thay đổi của pháp luật. Tiếp tục củng cố hệ thống tài chính kế toán theo chuẩn mực chung. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty trên mọi lĩnh vực.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền theo đúng quy định. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông như: Trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp cận thông tin và tiếp nhận, xử lý các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty của cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch năm và định hướng của Chiến lược phát triển Công ty.



- Tiếp tục chỉ đạo rà soát bổ sung hoàn thiện Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Đồng thời đề xuất giải pháp phù hợp để tiếp tục duy trì tư cách công ty đại chúng và hướng đến niêm yết cổ phiếu trên thị trường tại sàn giao dịch HNX hoặc HOSE.

- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2026; chú trọng đến đời sống của người lao động về thu nhập, chế độ chăm sóc sức khỏe, các hoạt động về tinh thần, thể chất.

### **Phần thứ ba KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2026 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận một số nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo kế quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch trọng tâm năm 2026, Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát và các nội dung liên quan;

- Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (có Tờ trình kèm theo);

- Giao Hội đồng quản trị quyết định phương án cụ thể, phù hợp để đảm bảo tư cách công ty đại chúng theo quy định (có Tờ trình kèm theo);

- Thông qua việc kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định (có Tờ trình kèm theo).

Để thực hiện tốt kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội phê duyệt; Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ theo nguyên tắc đảm bảo yêu cầu về chất lượng, công khai, minh bạch, hiệu quả và đảm bảo cạnh tranh.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Tá Vũ**

Số: 04 /BC-BKS

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/12/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-BSPPT ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 5491/NQ-BSR ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn về việc chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn.*

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau đây:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025**

**1. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát**

Trong năm 2025, Ban kiểm soát của Công ty gồm có các thành viên sau:

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy      - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Phạm Thanh Thảo        - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Phan Bá Công          - Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

**2. Hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát**

**a) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, trong năm 2025 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;



- Kiểm tra tính tuân thủ và phù hợp theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty trong các công tác như: quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty; quản lý doanh thu - chi phí, công nợ phải thu - phải trả; công tác bán hàng và quản lý Công ty; quản lý và sử dụng các Quỹ của Công ty; công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính; công tác đầu tư, mua sắm tài sản; trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty đối với nhà nước, cổ đông và người lao động;

- Thực hiện các đợt kiểm tra, soát xét trực tiếp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty; tiến hành phân tích, đánh giá kết quả thực hiện so với cùng kỳ năm 2024 và kế hoạch năm 2025; trên cơ sở kết quả kiểm tra, tổng hợp các kết luận và kiến nghị gửi đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành;

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp của Ban điều hành, tham gia ý kiến về các nội dung được trình bày/thảo luận tại cuộc họp, đảm bảo tính độc lập và khách quan;

- Tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để tổng kết, đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong kỳ và xây dựng kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo;

- Thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông;

- Xem xét, đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên/năm của Công ty;

- Thực hiện một số công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định.

#### **b) Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát**

Ngoài các hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phụ trách công tác kiểm tra, giám sát chi tiết từng lĩnh vực theo phân công công việc trong Ban kiểm soát, cụ thể:

- Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**: Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát; kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh thương mại, kinh doanh dịch vụ của Công ty, công tác đầu tư và mua sắm tài sản; tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Công ty; các hoạt động khác của Công ty.

- Bà **Phạm Thanh Thảo**: Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh thương mại, giám sát hoạt động công bố thông tin, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tình hình sử dụng Quỹ lương và các Quỹ khác của Công ty, công tác bán hàng và quản lý Công ty.

- Ông **Phan Bá Công**: Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì của Công ty.

#### **c) Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân



công, các thành viên Ban kiểm soát luôn làm việc nghiêm túc, đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động giám sát, chủ động phối hợp công việc với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### 3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trong năm 2025, chi tiết như sau:

Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ TV BKS dự họp	Tỷ lệ TV BKS tán thành
01/BB-BKS	20/01/2025	Tổng kết sơ bộ tình hình hoạt động của BSPPT trong năm 2024 và Kế hoạch kiểm tra, giám sát của BKS trong Quý 1 năm 2025	100%	100%
02/BB-BKS	08/04/2025	Tổng kết hoạt động của BKS và thống nhất các nội dung liên quan trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Tổng kết tình hình hoạt động của BSPPT trong Quý 1 năm 2025 và Kế hoạch kiểm tra, giám sát của BKS trong Quý 2 năm 2025	100%	100%
03/BB-BKS	18/08/2025	Tổng kết tình hình hoạt động của BSPPT trong 6 tháng đầu năm 2025 và Kế hoạch kiểm tra, giám sát của BKS trong 6 tháng cuối năm 2025	100%	100%
04/BB-BKS	20/10/2025	Tổng kết tình hình hoạt động của BSPPT trong 9 tháng đầu năm 2025 và Kế hoạch kiểm tra, giám sát của BKS trong Quý 4 và lũy kế năm 2025	100%	100%

### 4. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả theo quy định của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổng tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2025 là 1.069.535.211 đồng, trong đó:

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy: 666.428.864 đồng;
- Bà Phạm Thanh Thảo: 307.902.224 đồng;
- Ông Phan Bá Công: 95.204.123 đồng.

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp chuyên đề, thảo luận và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo đảm bảo tính hợp lệ, trình tự thủ tục ban hành đúng quy định. Danh sách chi tiết các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025 đã được tổng hợp tại Báo cáo số 11/BC-HĐQT-BSPPT ngày 28/01/2026 về tình hình



quản trị Công ty năm 2025, đồng thời đã được công bố công khai trên website của Công ty theo quy định về công bố thông tin.

Hội đồng quản trị thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo từng lĩnh vực cụ thể, thực hiện giám sát thường xuyên hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị được triển khai hiệu quả; tập trung chỉ đạo việc rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ và chuẩn hóa các quy trình quản lý; định hướng và thúc đẩy việc nghiên cứu triển khai các Dự án đầu tư; chú trọng hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và triển khai chuyển đổi số; tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, quan tâm công tác truyền thông và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 tuân thủ và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định khác có liên quan. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược, chỉ đạo và quản trị toàn diện các hoạt động của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng và trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty.

## **2. Hoạt động của Ban điều hành**

Trong năm 2025, Ban điều hành đã thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng chủ động và linh hoạt, bám sát định hướng phát triển và các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị Công ty.

Ban điều hành đã phát huy tốt vai trò chỉ đạo, điều hành. Giám đốc đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Phó Giám đốc theo từng lĩnh vực phụ trách, thường xuyên theo dõi và chỉ đạo sát sao các Phòng chức năng trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định, đúng thẩm quyền và đạt hiệu quả.

Ban điều hành luôn chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm và đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, tập trung nghiên cứu và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trong công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ, công tác bán hàng và quản lý; nghiêm túc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực hoạt động; tăng cường hợp tác liên danh, phát triển danh mục ngành nghề kinh doanh và mở rộng hệ thống các khách hàng/nhà cung cấp tiềm năng.

Năm 2025, dưới sự điều hành của Ban điều hành, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh nổi bật, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận ghi nhận mức tăng ấn tượng, đánh dấu bước phát triển quan trọng về quy mô hoạt động và vị thế tài chính của Công ty, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và cải thiện đáng kể thu nhập cho người lao động.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2025 là tích cực và hiệu quả, công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh được



thực hiện linh hoạt, kịp thời trước những biến động của thị trường, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

### **III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG**

Việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện bằng hình thức trao đổi trực tiếp và văn bản, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, khách quan và kịp thời.

Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban điều hành cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo và thông tin cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các khuyến nghị của Ban kiểm soát được triển khai đến từng phòng/bộ phận.

Trong năm 2025, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các mặt hoạt động của Công ty.

### **IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

#### **1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025**

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, phát hành ngày 02/03/2026 và được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Qua thẩm định, Ban kiểm soát xác nhận rằng Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

#### **2. Tình hình tài chính năm 2025**

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 448,56 tỷ đồng, tăng mạnh 160,03 tỷ đồng tương đương tăng 55% so với đầu năm.

Tình hình biến động các chỉ tiêu theo Bảng sau:

*Đvt: Tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Cuối năm (31/12/2025)	Đầu năm (01/01/2025)	Tăng/ Giảm		Tỷ trọng
				Giá trị	Tỷ lệ	
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>448,56</b>	<b>288,53</b>	<b>160,03</b>	<b>55%</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>367,21</b>	<b>244,59</b>	<b>122,61</b>	<b>50%</b>	<b>82%</b>
	- Tiền và các khoản TD tiền	108,16	77,50	30,66	40%	24%
	- Đầu tư tài chính NH	100,27	70,27	30,00	43%	22%



Stt	Chỉ tiêu	Cuối năm (31/12/2025)	Đầu năm (01/01/2025)	Tăng/ Giảm		Tỷ trọng
				Giá trị	Tỷ lệ	
	- Các khoản phải thu NH	137,15	65,97	71,18	108%	31%
	- Hàng tồn kho	18,39	29,15	- 10,76	- 37%	4%
	- Tài sản ngắn hạn khác	3,24	1,71	1,53	90%	1%
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>81,36</b>	<b>43,94</b>	<b>37,42</b>	<b>85%</b>	<b>18%</b>
	- Tài sản cố định	75,49	39,75	35,74	90%	17%
	- Tài sản dài hạn khác	5,25	4,19	1,06	25%	1%
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>448,56</b>	<b>288,53</b>	<b>160,03</b>	<b>55%</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>257,20</b>	<b>96,09</b>	<b>161,12</b>	<b>168%</b>	<b>57%</b>
	- Nợ ngắn hạn, trong đó:	257,20	96,02	161,18		
	+ Phải trả người bán	152,60	84,73	67,87		
	+ Vay ngắn hạn	83,60	-	83,60		
	- Nợ dài hạn	-	0,07	- 0,07		
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>191,36</b>	<b>192,44</b>	<b>- 1,08</b>	<b>- 1%</b>	<b>43%</b>
	- Vốn góp của chủ sở hữu	175,22	175,22	-		
	- Quỹ đầu tư phát triển	0,93	0,93	-		
	- Quỹ khác thuộc VCSH	0,13	0,13	-		
	- LNST chưa phân phối	15,08	16,16	- 1,08	- 7%	

#### a) Cơ cấu tài sản

Gồm tài sản ngắn hạn chiếm 82% và tài sản dài hạn chiếm 18% tổng tài sản.

- **Tài sản ngắn hạn:** 367,21 tỷ đồng, tăng 122,61 tỷ đồng so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn gồm các chỉ tiêu sau:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền 108,16 tỷ đồng, tăng 30,66 tỷ đồng (tăng 40%) so với đầu năm. Trong đó, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 tháng đến không quá 03 tháng tăng từ 50,87 tỷ đồng lên 95,87 tỷ đồng (tăng thêm 45,0 tỷ đồng so với đầu năm).

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn 100,27 tỷ đồng, tăng 30,0 tỷ đồng (tăng 43%) so với đầu năm, chỉ tiêu này phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến không quá 12 tháng của Công ty.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn 137,15 tỷ đồng, tăng 71,18 tỷ đồng (tăng 108%) so với đầu năm, chủ yếu do tăng công nợ chưa đến hạn thanh toán của các khách hàng mua hạt nhựa PP, LPG.

+ Hàng tồn kho 18,39 tỷ đồng, giảm 10,76 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu giảm ở chỉ tiêu nguyên vật liệu tồn kho, thành phẩm tồn kho, Công ty không tồn kho hàng hóa thương mại tại thời điểm cuối năm.

+ Tài sản ngắn hạn khác 3,24 tỷ đồng, tăng 1,53 tỷ đồng so với đầu năm, phản ánh các chi phí trả trước ngắn hạn với tỷ trọng nhỏ 1% tổng tài sản của Công ty.

- **Tài sản dài hạn:** 81,36 tỷ đồng, tăng 37,42 tỷ đồng so với đầu năm. Tài sản dài hạn gồm các chỉ tiêu sau:

+ Tài sản cố định 75,49 tỷ đồng, tăng 35,74 tỷ đồng (tăng mạnh 90%) so với đầu năm. Trong năm, Công ty trang bị mới các tài sản và hoàn thành công tác đầu tư mua sắm 19 xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận chuyển.

+ Tài sản dài hạn khác 5,25 tỷ đồng, tăng 1,06 tỷ đồng so với đầu năm, phản ánh các chi phí trả trước dài hạn với tỷ trọng nhỏ 1% tổng tài sản của Công ty.

### **b) Cơ cấu nguồn vốn**

Gồm nợ phải trả chiếm 57% và vốn chủ sở hữu chiếm 43% tổng nguồn vốn.

- **Nợ phải trả:** 257,20 tỷ đồng, tăng 161,12 tỷ đồng (tăng 168%) so với đầu năm. Nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là các khoản nợ ngắn hạn, trong đó:

+ Phải trả nhà cung cấp 152,60 tỷ đồng, tăng 67,87 tỷ đồng (tăng 80%) so với đầu năm, chủ yếu do tăng công nợ phải trả tiền mua hạt nhựa PP, LPG chưa đến hạn thanh toán.

+ Vay ngắn hạn 83,60 tỷ đồng, các khoản vay phát sinh tại các ngân hàng thương mại cổ phần dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

- **Vốn chủ sở hữu:** 191,36 tỷ đồng, giảm 1,08 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó:

+ Vốn góp của chủ sở hữu 175,22 tỷ đồng, Quỹ đầu tư phát triển 0,93 tỷ đồng và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 0,13 tỷ đồng, số dư không thay đổi so với đầu năm.

+ LNST chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 là 15,08 tỷ đồng, giảm 1,08 tỷ đồng so với đầu năm. Trong năm, Công ty đã thực hiện phân chia Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đã thực hiện tạm trích 4,88 tỷ đồng vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (năm 2024 tạm trích 2,0 tỷ đồng).

### **3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025**

Tổng kết một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung	Đvt	TH 2025	So với TH 2024		So với KH 2025*	
				TH 2024	% TH 2024	KH 2025*	% KH 2025*
I	Sản lượng tiêu thụ						
1	Hạt nhựa PP	Tấn	40.713	24.941	163%	37.796	108%
2	Khí hóa lỏng (LPG)	Tấn	15.612	-	-	13.553	115%
3	Lưu huỳnh hạt	Tấn	914	-	-	800	114%



TT	Nội dung	Đvt	TH 2025	So với TH 2024		So với KH 2025*	
				TH 2024	% TH 2024	KH 2025*	% KH 2025*
4	Pallet gỗ	Cái	129.000	108.000	119%	127.000	102%
5	Bao đóng gói hạt nhựa	Tr.bao	7,2	5,7	126%	7,0	103%
6	Bao nông sản	Tr.bao	2,03	2,78	73%	1,81	112%
7	Mảnh PP tráng màng	Tr.mét	0,12	10,0	1%	-	-
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính, SXKD</b>						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.452,17	817,33	178%	1.350,0	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,91	20,43	112%	20,0	115%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,96	18,16	110%	17,1	117%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	13,11	9,60	137%	12,7	103%

(KH 2025\* là Kế hoạch điều chỉnh năm 2025 đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chấp thuận tại Nghị quyết số 5491/NQ-BSR ngày 31/12/2025).

Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025 với tổng doanh thu đạt 1.452,17 tỷ đồng, tăng mạnh 78% so với năm 2024 và vượt 8% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 19,96 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2024 và vượt 17% kế hoạch năm.

Ban kiểm soát đã xem xét, kiểm tra các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các hoạt động khác của Công ty đã được trình bày trung thực, minh bạch và tuân thủ các quy định. Các báo cáo đã phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2025, thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể lãnh đạo - người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố nguồn lực và tạo nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

#### **4. Đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025 qua các chỉ số tài chính**

Stt	Nội dung	TH 2025	TH 2024
<b>I</b>	<b>HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>		
1	Hệ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,43	2,55
2	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và TĐ tiền/Nợ ngắn hạn)	0,42	0,81
3	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,57	0,33
4	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,34	0,50
<b>II</b>	<b>HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG</b>		
1	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	3,92	2,79
2	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	58,55	31,71
3	Số ngày tồn kho (=365/số vòng quay HTK)	6	12
4	Vòng quay khoản phải thu (DT có thuế/Các khoản phải thu BQ)	15,65	11,02



Stt	Nội dung	TH 2025	TH 2024
5	Kỳ thu tiền trung bình ( $=365/\text{số vòng quay khoản phải thu}$ )	23	33
<b>III</b>	<b>HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI</b>		
1	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu ( $\text{ROS} = \text{LNST}/\text{Doanh thu thuần}$ )	1,38%	2,23%
2	Tỷ suất sinh lời của tài sản ( $\text{ROA} = \text{LNST}/\text{Tổng tài sản}$ )	4,45%	6,29%
3	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ( $\text{ROE} = \text{LNST}/\text{VCSH}$ )	10,43%	9,44%
4	Hệ số bảo toàn vốn ( $\text{VCSH năm 2025}/\text{VCSH năm 2024}$ )	0,99	1,00

- **Về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán hiện hành đạt  $1,43 > 1$  thể hiện Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ; hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản đạt 0,57 tăng so với năm 2024 phản ánh việc Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính để mở rộng sản xuất kinh doanh; tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đạt  $1,34 < 3$  không vượt quy định theo Quy chế Quản lý tài chính của Công ty. Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh.

- **Về hiệu suất hoạt động:** Vòng quay tài sản, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay các khoản phải thu đều tăng so với năm 2024, số ngày tồn kho và kỳ thu tiền được rút ngắn đáng kể. Công ty đã có những cải thiện rất tích cực trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, quản lý hàng tồn kho và quản lý công nợ.

- **Về khả năng sinh lời:** Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 10,43% phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tích cực, hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tăng dần qua các năm gần đây. Công ty bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

**V. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH**

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Quy chế Công bố thông tin của Công ty. Trong năm 2025, Công ty có phát sinh giao dịch với Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), Ông Mai Tuấn Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BSR.

**VI. TỔNG KẾT CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025**

Qua các hoạt động kiểm tra, giám sát trong năm 2025, Ban kiểm soát đã có một số kiến nghị gửi Hội đồng quản trị và Ban điều hành như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống Quy chế, Quy trình quản lý nội bộ đảm bảo tuân thủ và phù hợp các quy định; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị tài chính, quản trị sản xuất, quản lý hợp đồng, quản lý lao động; nâng cao công



tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong từng phòng/bộ phận của Công ty đảm bảo hồ sơ chứng từ đầy đủ cơ sở pháp lý.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá tình trạng công nghệ của dây chuyền sản xuất, hiệu quả sử dụng tài sản làm cơ sở thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, nâng cấp hoặc thanh lý tài sản; tiếp tục nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm và phát triển khách hàng mới, khai thác tối đa công suất vận hành nhà máy.

- Chủ động theo dõi và dự báo tình hình tiêu thụ các sản phẩm kinh doanh thương mại; chú trọng công tác quản trị rủi ro tài chính gắn với sự tăng trưởng về quy mô kinh doanh thương mại nhằm triển khai các phương án kinh doanh đảm bảo an toàn vốn và đạt hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức, tối ưu quy trình trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ của Công ty nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng thực hiện dịch vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng; kiểm soát chi phí nhân công gắn với năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, tối ưu biên lợi nhuận trong từng hoạt động dịch vụ; tăng cường công tác quản lý vận hành và khai thác có hiệu quả các khu nhà ở trong bối cảnh chi phí thuê đất tăng theo chu kỳ 05 năm.

- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực sẵn sàng triển khai các hoạt động kinh doanh mới; nâng cao năng lực trong công tác đấu thầu; đẩy mạnh nghiên cứu tìm hiểu thị trường nhằm phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ tự doanh ngoài BSR.

- Tăng cường công tác quản trị vốn lưu động, quản lý dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, phải trả; thường xuyên theo dõi đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng và xu hướng lãi suất để xây dựng các kế hoạch tài chính phù hợp, góp phần tối ưu hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

- Tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh công tác đầu tư, thường xuyên rà soát cập nhật các thông số kinh tế - kỹ thuật của dự án trong quá trình triển khai nhằm đảm bảo công tác đầu tư được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

- Nâng cao năng lực trong công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, thường xuyên cập nhật tình hình thực hiện so với các kế hoạch/kế hoạch quản trị được giao; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty.

## **VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026**

Trên cơ sở thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, Ban kiểm soát xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2026, bao gồm các công việc:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; giám sát việc tuân thủ pháp luật và chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;



- Kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của Công ty theo Kế hoạch năm 2026 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định các báo cáo tài chính quý/bán niên/năm 2026 của Công ty;
- Bám sát với Chương trình làm việc của Hội đồng quản trị trong năm 2026, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chuyên đề đối với một số nội dung trọng tâm như: công tác quản lý, huy động và sử dụng vốn bằng tiền; công tác kinh doanh sản phẩm, dịch vụ và quản lý công nợ phải thu – phải trả; công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch quản trị; công tác đầu tư và mua sắm tài sản;
- Thực hiện các đợt kiểm tra, soát xét trực tiếp về tình hình hoạt động của Công ty; phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động so với cùng kỳ năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- Kiểm tra, giám sát thường xuyên tình hình thực hiện nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động công bố thông tin; báo cáo và trích nộp ngân sách nhà nước, công tác tiền lương và thực hiện các chế độ, phúc lợi cho người lao động;
- Chủ động phối hợp công việc và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, thảo luận và đưa ra khuyến nghị kịp thời;
- Theo dõi, giám sát tình hình khắc phục, thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước, cấp thẩm quyền; tình hình thực hiện các kiến nghị, khuyến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập và của Ban kiểm soát;
- Tham gia học tập, đào tạo bồi dưỡng năng lực công tác của các thành viên Ban kiểm soát, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo hoạt động kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả;
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên/năm của Công ty;
- Thực hiện các công việc trong nội bộ Ban kiểm soát và các công việc khác theo quy định.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BDH;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Đỗ Thị Phương Thúy**